

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 9 – 2022
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Tuấn

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Long Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số 29/KC, tổ 2, khu vực X, phường S, quận V, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Ấp A, xã B, huyện W, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông **Phan Văn M**, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 29/KC, tổ 2, khu vực X, phường S, quận V, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ:

Cháu **Phan Văn Giàu**, sinh ngày: 30/6/2005 (vắng mặt)

Cháu **Phan Văn Khánh**, sinh ngày: 02/8/2013 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 29/KC, tổ 2, khu vực X, phường S, quận V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà với ông Phan Văn M tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2002 tại

Ủy ban nhân dân xã Long Xuyên, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) và có với nhau 03 người con chung gồm: Phan Thị Thùy D, sinh ngày 05/5/2003, Phan Văn G, sinh ngày 30/6/2005 và Phan Văn K, sinh ngày 02/8/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, quan điểm cuộc sống và các vấn đề khác không đồng thuận dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, tình trạng hôn nhân không được cải thiện mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà khởi kiện và yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn M;

Về con chung: Có 03 người con chung, trong đó cháu Phan Thị Thùy D đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn K đến tuổi trưởng thành và giao cháu Phan Văn G cho ông Phan Văn M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Phan Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.*

** Người có quyền và lợi ích được bảo vệ có bản tự khai với nội dung:*

- Cháu Phan Văn G trình bày: Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Phan Văn M vì từ nhỏ cháu đã sống bên nội. Nay cháu đi làm được nên không yêu cầu mẹ là bà Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con. Do bận đi làm nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Cháu Phan Văn K trình bày: Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị P và không yêu cầu cha là ông Phan Văn M cấp dưỡng nuôi con. Do bận đi học nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn M; cháu Phan Thị Thùy D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn K đến tuổi trưởng thành, giao cháu Phan Văn G cho ông Phan Văn M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật; xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đã được xác minh nguyên nhân mâu thuẫn; những người có quyền và lợi ích được bảo vệ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P với bị đơn ông Phan Văn M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có với nhau 03 người con chung. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn có đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Nguyên đơn với bị đơn có với nhau 03 người con chung; trong đó, cháu Phan Thị Thùy D đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu là phù hợp; nguyên đơn có yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn K, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên có căn cứ chấp nhận; nguyên đơn đồng ý giao con chung tên Phan Văn G cho bị đơn nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Văn G, cháu G hiện nay cũng có việc làm, có thu nhập nên không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P với bị đơn ông Phan Văn M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, những người có quyền và lợi ích được bảo vệ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P với bị đơn ông Phan Văn M tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay nhưng không có khả năng hòa giải đoàn tụ; quá trình giải quyết vụ án, đã mở phiên hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành; tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, địa phương xác nhận bà Phi với ông M sống ly thân đã lâu. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu; tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là phù hợp, cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phi được ly hôn với ông Phan Văn M như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phi với bị đơn ông Phan Văn M có với nhau 03 người con chung gồm:

Cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày: 05/5/2003, đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

Cháu Phan Văn G, sinh ngày: 30/6/2005 và cháu Phan Văn K, sinh ngày: 02/8/2013. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phan Văn K đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bị đơn ông Phan Văn M cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên có căn cứ chấp nhận. Còn cháu Phan Văn G có nguyện vọng được sống với bị đơn ông Phan Văn M, hiện nay cháu đã đi làm tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con; nguyên đơn bà Nguyễn Thị P cũng có yêu cầu giao cháu G cho bị đơn ông Phan Văn M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu G nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Cụ thể: Giao cháu Phan Văn K cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu Phan Văn G cho bị đơn ông Phan Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Phan Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Phan Văn M không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Phan Văn M.

Về con chung: Có 03 người con chung.

Cháu Phan Thị Thùy D đã trưởng thành, có khả năng lao động và không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết;

Giao cháu Phan Văn G, sinh ngày: 30/6/2005 cho bị đơn ông Phan Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; nguyên đơn bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con;

Giao cháu Phan Văn K, sinh ngày: 02/8/2013 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bị đơn ông Phan Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với bị đơn ông Phan Văn M và nguyên đơn bà Nguyễn Thị P không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002544 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý